|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**CHƯƠNG TRÌNH**

**Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp**

**Giáo viên tiểu học hạng II**

**I. ĐỐI TƯỢNG BỒI DƯỠNG**

Giáo viên tiểu học hiện đang công tác tại các cơ sở giáo dục phổ thông và trường chuyên biệt công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân có cấp tiểu học (sau đây gọi chung là trường tiểu học công lập), có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách và nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II, có một trong các điều kiện sau:

1. Đang giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II nhưng chưa có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II;

2. Đang giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III hoặc tương đương từ đủ 02 năm trở lên.

**II. Cấu trúc chương trình**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Số tiết** | | |
| **Tổng** | **Lý thuyết** | **Thảo luận, thực hành** |
| ***I*** | ***Phần I: Kiến thức về chính trị, về quản lý nhà nước và các kỹ năng chung*** | ***Tổng*** | ***Lý thyết*** | ***Thảo luận, thực hành*** |
| 1 | Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa | ***60*** | ***32*** | ***28*** |
| 2 | Xu hướng quốc tế và đổi mới giáo dục phổ thông (GDPT) Việt Nam | 12 | 8 | 4 |
| 3 | Xu hướng đổi mới quản lí GDPT và quản trị nhà trường tiểu học | 12 | 8 | 4 |
| 4 | Động lực và tạo động lực cho giáo viên tiểu học | 12 | 8 | 4 |
|  | Ôn tập và kiểm tra phần I | 16 | 8 | 8 |
| ***II*** | ***Phần II: Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành và đạo đức nghề nghiệp của chức danh giáo viên tiểu học hạng II*** | 8 |  | 8 |
| 5 | Quản lí hoạt động dạy học và phát triển chương trình giáo dục nhà trường tiểu học | ***132*** | ***76*** | ***56*** |
| 6 | Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II | 20 | 12 | 8 |
| 7 | Dạy học và bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu trong trường tiểu học | 20 | 12 | 8 |
| 8 | Đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục trường tiểu học | 20 | 12 | 8 |
| 9 | Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm (KHSP) ứng dụng ở trường tiểu học | 24 | 16 | 8 |
| 10 | Xây dựng môi trường văn hóa, phát triển thương hiệu nhà trường và liên kết, hợp tác quốc tế | 20 | 12 | 8 |
|  | Ôn tập và kiểm tra phần II | 20 | 12 | 8 |
| ***III*** | ***Phần III. Tìm hiểu thực tế và viết thu hoạch*** | 8 |  | 8 |
| 1 | Tìm hiểu thực tế thực tế | **44** | **4** | **40** |
| 2 | Hướng dẫn viết thu hoạch | 24 |  | 24 |
| 3 | Viết thu hoạch | 4 | 4 |  |
|  | **Khai giảng, bế giảng** | 16 |  | 16 |
|  | **Tổng cộng:** | **240** | **112** | **128** |

**III. Đánh giá kết quả học tập**

1. Đánh giá ý thức học tập của học viên theo quy chế học tập của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng.

2. Đánh giá thông qua kiểm tra viết (hoặc thực hành), chấm theo thang điểm 10. Học viên phải làm bài kiểm tra theo quy định, học viên nào không đạt điểm 5 trở lên thì phải kiểm tra lại. Học viên không có đủ bài kiểm tra theo quy định thì không được tham gia viết thu hoạch cuối khóa.

3. Đánh giá chung cho toàn chương trình thông qua bài thu hoạch cuối khóa, chấm theo thang điểm 10. Học viên nào không đạt được điểm 5 trở lên thì không được cấp Chứng chỉ.

4. Việc quản lý và cấp phát chứng chỉ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 19/TT-BNV ngày 04 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định, hướng dẫn công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức.

# --------------------